

# TIẾT KIỆM CHI PHÍ TUÂN THỦ THUẾ CHO CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Vũ Thị Kim Anh

Khoa Kế toán, Đại học Công đoàn

Email: kimanhvt@dhcd.edu.vn

Ngày nhận: 04/8/2017

Ngày nhận bản sửa: 10/10/2017

Ngày duyệt đăng: 25/02/2018

## Tóm tắt:

Nghiên cứu này cung cấp kết quả phân tích chi phí tuân thủ thuế của 110 doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) trên địa bàn Thành phố Hải Phòng để đánh giá thực trạng chi phí bằng tiền và chi phí thời gian mà SMEs phải chi ra để thực hiện nghĩa vụ thuế. Kết quả khảo sát cho thấy chi phí tuân thủ thuế của SMEs vẫn còn khá lớn, do còn nhiều bất cập còn tồn tại từ phía chính sách quản lý thuế của Nhà nước và từ phía bản thân SMEs. Với mong muốn đóng góp một phần giảm bớt chi phí tuân thủ luật thuế cho các doanh nghiệp nói chung và SMEs Việt Nam nói riêng, bài viết đề xuất những giải pháp nhằm tăng cường tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho các SMEs theo quan điểm giảm nhẹ gánh nặng thuế, hỗ trợ phát triển SMEs, đồng thời cải thiện môi trường đầu tư. Do đó, nghiên cứu có những đóng góp bổ sung quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn.

**Từ khoá:** Chi phí tuân thủ thuế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, SMEs, tiết kiệm.

## Saving Tax Compliance Costs in Small and Medium Sized Businesses in Hai Phong

### Abstract:

The paper reports a statistics analysis of the tax compliance for 110 small and medium enterprises (SMEs) in Hai Phong. It also reveals the evaluation of internal compliance cost, external compliance cost and incidental cost and time spent related to the different taxes paid by SMEs in Hai Phong. This analysis shows that the compliance cost of SMEs is quite high due to many shortcomings in the tax administration policy of the State as well as in the SMEs. The author recommends tax compliance simplification and incentives in order to reduce SMEs tax compliance costs in Hai Phong. The results of this study should help Hai Phong SMEs to be informed about these costs and make efforts to minimize tax compliance costs of SMEs by mitigating the tax burden, supporting the development of SMEs, and improving the investment environment. Therefore, this study has both theoretical and practical contributions.

**Keywords:** Tax compliance costs, small and medium-sized enterprises, SMEs, saving.

## 1. Giới thiệu

Việc cải thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp được coi là một cách hiệu quả của nhà nước để hỗ trợ cho doanh nghiệp, cũng như góp phần tăng khả năng cạnh tranh của quốc gia. Qua các năm gần đây, Việt Nam cũng có những bước tiến trong việc cải thiện môi trường kinh doanh. Báo cáo khảo sát Môi trường kinh doanh toàn cầu năm 2016 do Ngân hàng Thế giới (WB) công bố cho

thấy môi trường kinh doanh của Việt Nam đã có nhiều cải thiện và tiếp tục trụ hạng ở vị trí 82/189 nền kinh tế trên thế giới. Dù có sự cải thiện nhưng thủ tục về thuế ở Việt Nam vẫn đứng thứ 168/189 so với thế giới (World Bank Group, 2016), việc này cũng cho thấy các quy định về thuế chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển. Các doanh nghiệp Việt Nam phải mất tới gần 1/3 thời gian làm việc trong năm, tức 770 giờ để tuân thủ

chính sách thuế, số lần phải làm thủ tục thuế trong năm là 30, tổng số tiền thuế và các khoản chi trả cho việc này chiếm 39,4% lợi nhuận của doanh nghiệp (World Bank Group, 2016). Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp Việt Nam, nhất là SMEs. Như vậy, đánh giá thực trạng chi phí bằng tiền và chi phí thời gian mà SMEs (nghiên cứu điển hình tại Thành phố Hải Phòng) phải chi ra để thực hiện nghĩa vụ thuế, qua đó kiến nghị một số biện pháp nhằm tăng cường tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế là mục tiêu bài viết hướng đến. Tuy không thể đưa chi phí này về bằng không nhưng phải đảm bảo ở một mức độ nào đó các SMEs có thể tự nguyện tuân thủ thuế, không có động cơ trốn thuế, khuyến khích đầu tư nước ngoài, tăng lợi ích của toàn xã hội.

## 2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

Sandford (1989) nêu rõ: “chi phí tuân thủ thuế là các chi phí phát sinh bởi người nộp thuế hoặc bởi bên thứ ba (ví dụ như doanh nghiệp đối tác) trong việc đạt được các yêu cầu của hệ thống thuế, bao gồm cả các chi phí ngoài nghĩa vụ thuế của chính người nộp thuế và ngoài các chi phí mà hệ thống thuế đã quy định”. Nghiên cứu của Sandford (1989) cũng chỉ ra rằng chi phí tuân thủ thuế gồm có *chi phí bằng tiền* (phí chi trả cho tư vấn thuế, luật sư, kế toán; lương của nhân viên làm công việc chuẩn bị tờ khai thuế và kế toán thuế; tài liệu và phần mềm thuế; điện thoại, bưu điện,...) và *chi phí thời gian* (thời gian của người nộp thuế dành cho học tập luật thuế và điền tờ khai thuế; thời gian để chuẩn bị và hỗ trợ cho thanh tra thuế; thời gian để chuẩn bị khiếu nại thuế,...). Ngoài ra, nghiên cứu của Slemrod & Sorum (1984) trước đó cho rằng chi phí tuân thủ thuế còn bao gồm cả *chi phí về tâm lý do phải lo lắng* và *cáu giận* này sinh từ việc tuân thủ một hoạt động cụ thể về thuế hoặc hoạt động liên quan đến thuế; thất vọng của người nộp thuế vì bị gây phiền hà.

Trong khi đó, nghiên cứu của Kiều Nguyệt Thủy Tiên (2012) cho rằng người nộp thuế phải đối diện một số chi phí để tuân thủ quy định luật thuế ngoài số tiền thuế thực sự mà họ phải nộp. Chi phí này bao gồm thời gian hoàn thành yêu cầu theo quy định, chi phí kế toán và chi phí gián tiếp gắn liền với sự phức tạp của pháp luật, bao gồm chi phí tâm lý như sự căng thẳng thần kinh xuất phát từ sự không chắc chắn do phải đáp ứng hết tất cả quy định luật thuế hoặc hiểu luật thuế là gì. Do vậy, Sandford (1989) đã nhận định rằng chi phí tuân thủ thuế chỉ phát sinh

do luật thuế, do các chính sách để thu thuế của nhà nước; không có luật thuế, không thu thuế thì chi phí này sẽ biến mất. Có thể nói, chi phí tuân thủ thuế phần lớn là những chi phí không hữu ích, không góp phần tạo ra của cải vật chất cho xã hội, chi phí này tồn tại là do những quy định của luật thuế. Tuy nhiên, thuế đã tồn tại rất lâu đời, việc không có luật thuế là không tưởng nên chi phí này vẫn bắt buộc phát sinh nhưng vấn đề đặt ra là kiểm soát chi phí này một cách có hiệu quả, giảm thiểu những chi phí phát sinh không cần thiết, giảm lợi ích kinh tế (Wenzel, 2003).

Theo Boylan & Sprinkle (2001) chi phí tuân thủ thuế là một trong những yếu tố tác động đến sự tuân thủ thuế của người nộp thuế, chi phí tuân thủ thấp sẽ dẫn đến mức độ tự nguyện tuân thủ thuế của người nộp thuế tăng lên và ngược lại. Các nghiên cứu của Webley (2004) và Torgler (2007) đều chỉ ra rằng nếu nhà nước không quan tâm đến gánh nặng của người nộp thuế, họ phải gánh chịu chi phí tuân thủ tăng cao thì người nộp thuế sẽ tìm cách trốn thuế, làm thất thu ngân sách nhà nước. Vì vậy, có thể thấy rằng, chi phí tuân thủ thuế tỷ lệ nghịch với hành vi tuân thủ của người nộp thuế (Wenzel, 2004). Chi phí tuân thủ thấp sẽ khuyến khích người nộp thuế tự nguyện chấp hành các quy định thuế, ngược lại, chi phí tuân thủ cao sẽ cản trở tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế, hoặc là không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ yêu cầu của quy định, thậm chí thực hiện trốn thuế (Boylan & Sprinkle, 2001).

Có rất nhiều nghiên cứu thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng tới chi phí tuân thủ thuế như: Das-Gupta (2003) đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng tới chi phí tuân thủ thuế ở Ấn Độ bao gồm: (i) khảo sát tại Ấn Độ thì xác định chi phí tuân thủ cao là do các vấn đề sau (sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp); (ii) các thông tin cung cấp cho việc kê khai chi tiết; lưu trữ sổ sách kế toán; hoàn thành và nộp tờ khai thuế thu nhập; (iii) hoàn thành và nộp tờ khai thuế khấu trừ; (iv) hoàn thuế; (v) nghiên cứu và lên kế hoạch nộp thuế; (vi) khoá đào tạo liên quan đến thuế cho nhân viên; (vii) cung cấp các trợ giúp cho nhân viên. Theo kết quả khảo sát về những yếu tố ảnh hưởng tới chi phí tuân thủ thuế ở New Zealand cho thấy chi phí tuân thủ thuế vì chi phối bởi các yếu tố như: khoản tạm nộp không phù hợp với dòng tiền; không xem xét đến lịch sử tuân thủ tốt; phạt và tính lãi; khó có thông tin và trợ giúp; buộc phải thuê kế toán; quá nhiều thông tin (KPMG, 2006; Colmar Brunton Social Research, 2005). Tác giả La Xuân

Đào (2009) khi nghiên cứu chi phí tuân thủ thuế của các đối tượng nộp thuế ở Đồng bằng Sông Cửu Long đã chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng tới chi phí tuân thủ thuế của các đối tượng này, gồm có: sự phức tạp trong thực hiện các luật, quy định về thuế; sự thay đổi thường xuyên của các luật, quy định thuế; thời gian để hiểu (tiếp thu) luật thuế mới; thiếu nhân viên có đủ trình độ, năng lực hiểu biết về thuế.

Nghiên cứu của Baurer (2005) nhấn mạnh rằng hệ thống thuế phải đơn giản. Trong một hệ thống thuế đơn giản, chi phí quản lý thuế của cơ quan thuế và chi phí tuân thủ thuế của người nộp thuế phải giữ ở mức thấp nhất và một khi tiết kiệm chi phí quản lý thuế thường dẫn tới việc gia tăng chi phí tuân thủ thuế và ngược lại.

Tổng hợp các nghiên cứu trước đây và bằng nghiên cứu thực nghiệm tại 110 SMEs trên địa bàn Thành phố Hải Phòng bài viết đánh giá thực trạng chi phí tuân thủ thuế phát sinh bằng tiền và thời gian mà các SMEs đã bỏ ra để thực hiện việc tuân thủ luật thuế. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để kiến nghị với cơ quan thuế hoàn thiện chính sách, pháp luật về thuế; tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người nộp thuế trong việc thực hiện tuân thủ pháp luật thuế, đồng thời cũng gợi mở một số giải pháp giúp SMEs tăng cường kiểm soát tốt hơn chi phí tuân thủ thuế.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Mẫu nghiên cứu

Đối tượng khảo sát mẫu là các SMEs tại Thành phố Hải Phòng (Bảng 1). Mẫu được thu theo phương pháp chọn mẫu thuận lợi. Cách thức khảo sát là tác giả phát trực tiếp tại buổi tập huấn cập nhật kiến thức về những điểm mới của chính sách thuế 2017 do VCCI Hải Phòng tổ chức vào 25 tháng 5 năm 2017. Có 140 bảng câu hỏi khảo sát được phát ra, tuy nhiên thu vào chỉ có 125 bảng hỏi hợp lệ được sử dụng để phân tích. Trong đó, chỉ có 110 bảng khảo sát đúng đối tượng là SMEs trên địa bàn Thành phố Hải Phòng, có 15 bảng khảo sát là của các đối tượng là các doanh nghiệp lớn hoặc nhiều câu hỏi bị bỏ trống không tích.

#### 3.2. Thiết kế thang đo cho bảng câu hỏi và mã hoá biến

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 điểm để đánh giá thực trạng chi phí tuân thủ thuế cũng như kiến nghị một số các giải pháp nhằm tăng cường tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho các SMEs trên địa bàn Thành phố Hải Phòng với:

“1: Rất nhỏ; 2: Nhỏ; 3: Vừa phải; 4: Lớn; 5: Rất lớn” hoặc “1: Không cần; 2: Chưa cần; 3: Cần; 4: Khá cần; 5: Rất cần”. Các mục hỏi đo lường cho từng nhân tố theo các biến được trình bày theo Bảng 2.

**Bảng 1: Mô tả mẫu nghiên cứu**

Đặc điểm	Số lượng	Phần trăm (%)
Nghề nghiệp		
Giám đốc	20	18,18
Kế toán	90	81,82
Loại hình doanh nghiệp		
Công ty cổ phần	40	36,36
Công ty TNHH	55	50,0
Doanh nghiệp tư nhân	15	13,64
Ngành nghề kinh doanh		
Thương mại dịch vụ	41	37,27
Sản xuất	30	27,27
Vận tải	19	17,27
Xây dựng	20	18,19
Doanh thu trung bình hàng năm		
<=50 tỷ VND	98	89
>50 tỷ VND	12	11

**Bảng 2: Thang đo lường các biến của từng nhân tố nghiên cứu**

Mã biến	Tên biến
TIEN	Đánh giá các chi phí tuân thủ thuế phát sinh bằng tiền (Mức độ đánh giá: 1: Rất nhỏ; 2: Nhỏ; 3: Vừa phải; 4: Lớn; 5: Rất lớn)
TIEN1	Chi phí tìm hiểu pháp luật thuế hiện hành
TIEN2	Chi phí thuê dịch vụ tư vấn thuế bên ngoài
TIEN3	Chi phí lương cho nhân viên làm công việc kê khai, quyết toán và kế toán thuế
TIEN4	Chi phí quản lý liên quan (tài liệu, chữ ký số, điện thoại, đào tạo cho nhân viên,...)
TIEN5	Các khoản tiền phạt do rủi ro không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế
TIEN6	Chi phí không chính thức (chi cho cán bộ thuế, chi cho môi giới, trình độ yếu kém của nhân viên, chi phí đi lại làm việc, chi phí căng thẳng thần kinh)
TG	Đánh giá các chi phí tuân thủ thuế phát sinh về thời gian (Mức độ đánh giá: 1: Rất nhỏ; 2: Nhỏ; 3: Vừa phải; 4: Lớn; 5: Rất lớn)
TG1	Thời gian tìm hiểu các luật thuế
TG2	Thời gian tập hợp và lưu giữ hóa đơn, chứng từ
TG3	Thời gian kê khai, quyết toán thuế và nộp thuế, xin miễn giảm, hoàn thuế từ cơ quan thuế
TG4	Thời gian phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế
TG5	Thời gian nhận được giải đáp thắc mắc từ cơ quan thuế
CS	Chính sách thuế hỗ trợ nhằm tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho SMEs từ phía cơ quan thuế (Mức độ đánh giá: 1: Không cần; 2: Chưa cần; 3: Cần; 4: Khá cần; 5: Rất cần)
CS1	Giảm bớt quy định thường xuyên thay đổi của chính sách thuế, sự khác biệt giữa quy định của kế toán tài chính với quy định của chính sách thuế cho các doanh nghiệp
CS2	Giảm bớt tần suất kê khai và nộp thuế
CS3	Đơn giản hóa hồ sơ kê khai, quyết toán, hoàn thuế, giảm bớt quy định về phạt vi phạm về thuế
CS4	Khuyến khích phát triển hệ thống đại lý thuế, các công ty dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ tư vấn và kê khai thuế
CS5	Tăng cường công tác hỗ trợ tuyên truyền cho người nộp thuế, nhanh chóng giải đáp thắc mắc của người nộp thuế, sử dụng những kênh để tuyên truyền thực sự hữu dụng
CS6	Nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của cán bộ ngành thuế
TC	Tăng cường quản trị chi phí tuân thủ thuế tại SMEs
TC1	Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán
TC2	Thường xuyên rà soát lại các chi phí phát sinh do hoạt động tuân thủ thuế
TC3	Nâng cao trình độ chuyên môn và nhận thức của nhà quản lý và nhân viên phụ trách thuế
TC4	Thuê thêm chuyên gia tư vấn bên ngoài có chuyên môn trong lĩnh vực thuế và kế toán

### 3.3. Kiểm định độ tin cậy của các thang đo và thống kê mô tả

Trước tiên, nghiên cứu tiến hành kiểm định độ tin cậy của 4 thang đo theo phần mềm SPSS 20 phản ánh thực trạng chi phí tuân thủ thuế và giải pháp tăng

cường tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế của SMEs. Mục đích của việc kiểm định này là nhằm loại ra những thang đo không đạt yêu cầu và giữ lại các thang đo đạt yêu cầu. Độ tin cậy của thang đo thường được đánh giá thông qua hệ số Cronbach's alpha. Nếu một

**Bảng 3: Kết quả kiểm định chất lượng thang đo các yếu tố**

Reliability Statistics		
Nhân tố	Cronbach's Alpha	N of Items
1. Đánh giá các chi phí tuân thủ thuế phát sinh bằng tiền	,708	6
2. Đánh giá các chi phí tuân thủ thuế phát sinh về thời gian	,881	5
3. Chính sách thuế hỗ trợ nhằm tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho SMEs từ phía cơ quan thuế	,867	6
4. Tăng cường quản trị chi phí tuân thủ thuế tại SMEs	,651	4

*Nguồn: Số liệu được xử lý bởi tác giả*

biến đo lường có hệ số tương quan biến tổng hiệu chỉnh (corrected item-total correlation)  $\geq 0,3$  thì biến đó đạt yêu cầu và một thang đo được xem là có thể chấp nhận được về độ tin cậy nếu Cronbach  $\geq 0,6$ . Cronbach chỉ đo lường độ tin cậy của thang đo có từ 3 biến quan sát trở trên và về nguyên tắc, Cronbach càng cao thì thang đo càng đạt độ tin cậy cao. Tuy nhiên, nếu thang đo có Cronbach quá cao ( $> 0,95$ ) thì cần phải xem lại vì đó là hiện tượng trùng lặp trong đo lường (Nguyễn Đình Thọ, 2011).

Kết quả kiểm định thang đo tại Bảng 3 cho biết hệ số Cronbach's alpha đều  $> 0,6$ , như vậy các thang đo có độ tin cậy cao. Tiếp theo xác định mức bình quân và độ lệch chuẩn các các đối tượng khảo sát qua thống kê mô tả (Descriptive statistics) được kết quả tại Bảng 4.

#### 4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Chi phí tuân thủ thuế phát sinh bằng tiền tại các SMEs

- Chi phí tìm hiểu pháp luật thuế hiện hành: chủ yếu được đánh giá ở mức vừa phải (mean: 2.46). Có thể do, SMEs không cần bỏ ra nhiều chi phí để tìm hiểu luật thuế do chi phí để tiếp cận những thông tin về luật thuế gần như miễn phí;

- Chi phí thuê dịch vụ kế toán bên ngoài và chi phí thuê nhân viên kế toán: chủ yếu được đánh giá ở mức nhỏ (mean: 2,18 và 2,28). Chứng tỏ, các SMEs chỉ chấp nhận chi trả một khoản chi phí thuê dịch vụ bên ngoài hoặc trả lương cho nhân viên kế toán để thực hiện việc liên quan đến thuế tuân thủ thuế;

- Chi phí quản lý liên quan như văn phòng phẩm, chữ ký số: chi phí này được đánh giá là nhỏ (mean: 2.46). Bởi vì, những chi phí này chỉ góp phần hỗ trợ cho hoạt động liên quan đến tuân thủ thuế nên các

**Bảng 4: Kết quả thống kê mô tả**

Tên biến	Mã hoá	Mini mum	Maxi mum	Mean	Std. Deviation
<b>Đánh giá các chi phí tuân thủ thuế phát sinh bằng tiền</b>					
1. Chi phí tìm hiểu pháp luật thuế hiện hành	TIEN1	1	4	2.46	.567
2. Chi phí thuê dịch vụ tư vấn thuế bên ngoài	TIEN2	1	4	2.18	.654
3. Chi phí lương cho nhân viên làm công việc kê khai, quyết toán và kế toán thuế	TIEN3	2	4	2.28	.635
4. Chi phí quản lý liên quan (tài liệu, chữ ký số, điện thoại, đào tạo cho nhân viên,...)	TIEN4	2	4	2.09	.548
5. Các khoản tiền phạt do rủi ro không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế	TIEN5	2	4	3.81	.417
6. Chi phí không chính thức (chi cho cán bộ thuế, trình độ yếu kém của nhân viên, chi phí căng thẳng thần kinh.....)	TIEN6	2	4	3.79	.531

<b>Đánh giá các chi phí tuân thủ thuế phát sinh về thời gian</b>						
1. Thời gian tìm hiểu các luật thuế	TG1	2	4	3.73	.638	
2. Thời gian tập hợp và lưu giữ hóa đơn, chứng từ	TG2	2	4	4.08	.724	
3. Thời gian kê khai, quyết toán thuế và nộp thuế, xin miễn giảm, hoàn thuế từ cơ quan thuế	TG3	2	4	3.82	.423	
4. Thời gian phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế	TG4	1	3	2.13	.497	
5. Thời gian nhận được giải đáp thắc mắc từ cơ quan thuế	TG5	2	4	3.91	.394	
<b>Chính sách thuế hỗ trợ nhằm tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho SMEs từ phía cơ quan thuế</b>						
1. Giảm bớt quy định thường xuyên thay đổi của chính sách thuế, sự khác biệt giữa quy định của kế toán tài chính với quy định của chính sách thuế cho các doanh nghiệp	CS1	3	5	4.03	.566	
2. Giảm bớt tần suất kê khai và nộp thuế	CS2	2	4	3.68	.658	
3. Đơn giản hóa hồ sơ kê khai, quyết toán, hoàn thuế, giảm bớt quy định về phạt vi phạm về thuế	CS3	3	5	4.20	.521	
4. Khuyến khích phát triển hệ thống đại lý thuế, các công ty dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ tư vấn và kê khai thuế	CS4	3	4	3.64	.483	
5. Tăng cường công tác hỗ trợ tuyên truyền cho người nộp thuế, nhanh chóng giải đáp thắc mắc của người nộp thuế, sử dụng những kênh để tuyên truyền thực sự hữu dụng	CS5	2	5	3.55	.599	
6. Nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của cán bộ ngành thuế	CS6	4	5	4.60	.492	
<b>Tăng cường quản trị chi phí tuân thủ thuế tại SMEs</b>						
1. Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán	TC1	4	5	4.70	.460	
2. Thường xuyên rà soát lại các chi phí phát sinh do hoạt động tuân thủ thuế	TC2	3	5	4.16	.460	
3. Nâng cao trình độ chuyên môn và nhận thức của nhà quản lý và nhân viên phụ trách thuế	TC3	3	5	4.09	.440	
4. Thuê thêm chuyên gia tư vấn bên ngoài có chuyên môn trong lĩnh vực thuế và kế toán	TC4	2	5	3.57	.533	

*Nguồn: Số liệu được xử lý bởi tác giả*

SMEs cho là nhỏ và không đến mức quá lớn;

- Các khoản tiền phạt do rủi ro không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế: các SMEs đánh giá chi phí này ở mức lớn (mean: 3.81), chứng tỏ rằng chi phí này đối với SMEs là khá cao. Những chi phí này phát sinh do những sai sót trong quá trình thực hiện việc tuân thủ thuế, có thể xuất phát từ trình độ của nhân viên kế toán và thuế;

- Chi phí không chính thức (chi cho cán bộ thuế, trình độ yếu kém của nhân viên, chi phí căng thẳng thần kinh...) được đánh giá khá là cao (mean: 3.79),

và không cần thiết phát sinh.

#### **4.2. Chi phí tuân thủ thuế về thời gian của các SMEs**

- Thời gian tìm hiểu các luật thuế: Thời gian bỏ ra cho hoạt động này phần lớn được đánh giá ở mức khá lớn (mean: 3.73). Việc các SMEs đánh giá thời gian bỏ ra cho việc tìm hiểu luật thuế khá lớn có thể được giải thích do việc tiếp cận các thông tin và cập nhật thông tin liên quan về thuế vẫn còn tồn khá nhiều thời gian, các SMEs vẫn phải tốn nhiều thời gian để hiểu được các quy định pháp luật và cũng cập nhật các thay đổi trong luật thuế trễ hơn.

- Thời gian để tập hợp các thông tin để điền vào mẫu quy định: Phần lớn các SMEs khảo sát đánh giá thời gian bỏ ra cho hoạt động này là lớn (mean: 4.08). Điều này cho thấy có thể do SMEs tốn nhiều thời gian cho việc tập hợp chứng từ, nhập số liệu vào máy tính và xử lý số liệu, những hoạt động này nếu không được đảm bảo bởi số lượng nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn, phân công nhiệm vụ rõ ràng thì sẽ tốn khá nhiều thời gian, vì những hoạt động này sẽ góp phần quan trọng trong việc đảm bảo chính xác số liệu.

- Thời gian kê khai, quyết toán thuế và nộp thuế, xin miễn giảm, hoàn thuế từ cơ quan thuế: thời gian bỏ ra cho hoạt động này là cao (mean: 3.82). Bởi vì, hồ sơ báo cáo cho cơ quan thuế cho từng loại thuế hàng năm là khá nhiều, phức tạp, bên cạnh luật thuế có sự thay đổi hàng năm, đòi hỏi nhân viên kế toán phải tốn nhiều thời gian hơn, công sức

- Thời gian phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế: Phần lớn các SMEs khảo sát đánh giá thời gian bỏ ra cho hoạt động này là khá thấp (mean: 1.68), có thể do người khảo sát chưa thực hiện việc thanh tra, kiểm tra thuế với cơ quan thuế. Việc thanh tra kiểm tra thuế tại các SMEs tùy theo kế hoạch thanh tra kiểm tra của cơ quan thuế nên mang tính chất không thường xuyên.

Thời gian nhận được giải đáp thắc mắc từ cơ quan thuế khá cao (mean: 3.81). Có thể nói, với một số SMEs khi có một vấn đề liên quan đến thuế, muốn có câu trả lời thỏa đáng, đầy đủ cho vấn đề đòi hỏi phải chờ đợi một thời gian khá dài. Vì vậy, cần phải nâng cao hiệu quả quản lý hành chính về thuế để có thể giảm thời gian giải quyết các khiếu nại và thắc mắc cho SMEs.

Thực trạng chi phí tuân thủ thuế đối với SMEs đã được thể hiện qua chi phí bằng tiền và chi phí thời gian mà SMEs phải chi ra để thực hiện nghĩa vụ thuế. Để tăng cường tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho SMEs cũng được thể hiện qua những quy định trong chính sách thuế nhằm hỗ trợ giảm chi phí tuân thủ thuế và tăng cường quản trị chi phí tuân thủ thuế tại các SMEs. Cũng trên cơ sở điều tra khảo sát bài viết cũng đã đánh giá chính sách thuế hỗ trợ nhằm tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho SMEs từ phía cơ quan thuế và tăng cường quản trị chi phí tuân thủ thuế tại các SMEs.

Kết quả khảo sát tại Bảng 4 cho thấy các SMEs đều cho rằng các chính sách liên quan đến thuế rất cần thiết

được thay đổi để hỗ trợ cho SMEs (các biến quan sát đều có mean từ 3.55 đến 4.6). Bởi thực tế hiện nay các chính sách liên quan đến thuế được quy định thông qua khá nhiều văn bản của nhà nước, các quy định này đòi hỏi người có chuyên môn và am hiểu về luật thuế mới có thể nắm bắt được. Các quy định quản lý thuế nhiều trường hợp còn khá phức tạp và khó hiểu như cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyên nhượng bất động sản, chuyển nhượng vốn... Dẫn đến, các SMEs thực hiện không đúng theo các quy định về thuế, gây ra phát sinh những chi phí tuân thủ thuế không mong muốn như tiền phạt vi phạm hành chính thuế, tiền truy thu và phạt vi phạm do khai thiếu số thuế, tiền chậm nộp thuế... Luật thuế hiện hành chưa có nhiều chính sách hỗ trợ cho các SMEs trong việc cắt giảm chi phí tuân thủ thuế. Các quy định hiện hành được ban hành chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, không phân biệt riêng cho các loại hình doanh nghiệp. Như vậy, có một số quy định các SMEs không bao giờ gặp phải, nhưng các SMEs buộc phải tìm hiểu không cần thiết. Đồng thời, với quá nhiều quy định như vậy, SMEs với trình độ và nhân lực còn hạn chế, không thể chọn lọc cụ thể các quy định liên quan đến doanh nghiệp mình, gây hiểu nhầm hoặc bỏ sót. Hiện nay, hệ thống quản lý thuế đã tốt hơn trước nhưng vẫn còn một số điểm yếu như: hệ thống thông tin của cơ quan thuế đôi lúc vẫn gặp trục trặc, người nộp thuế đã nộp tờ khai hoặc nộp tiền thuế nhưng vẫn báo là chưa nộp; một số cán bộ quản lý thuế vẫn còn sách nhiễu người nộp thuế... gây tốn thời gian và tiền bạc của người nộp thuế.

Cùng với chính sách thuế hỗ trợ nhằm tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho SMEs từ phía cơ quan thuế thì các SMEs đều cho rằng cần thiết phải tăng cường công tác quản trị chi phí tuân thủ thuế tại đơn vị mình (Kết quả khảo sát tại Bảng 4 cho thấy điểm trung bình rất cao từ 3.57 đến 4.7). Thực tế SMEs vẫn chưa tự cập nhật và nắm bắt được các chính sách liên quan đến thuế, không chủ động tìm hiểu các văn bản thuế mới nên không nắm bắt các quy định mới, thực hiện sai quy định. Ngoài ra, SMEs chưa kiểm soát tốt chi phí tuân thủ thuế phát sinh tại doanh nghiệp, việc tổ chức công tác kế toán tại các SMEs chủ yếu để phục vụ cho việc tuân thủ thuế. Một khi doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán chưa tốt, thiết lập một cách chưa hiệu quả, không cung cấp kịp thời và chính xác thông tin cho việc kê khai thuế thì, dẫn đến SMEs tốn quá nhiều chi phí không cần thiết cho hoạt động tuân thủ thuế như chi phí văn phòng phẩm, chi phí nhân viên, chi phí thuê ngoài...; gây

hậu quả sau này như phát sinh quá nhiều tiền phạt, tiền truy thu và tiền nộp chậm thuế.

## **5. Kiến nghị và kết luận**

Theo kết quả khảo sát ở Bảng 4, để tăng cường tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho SMEs cần có sự đồng thuận từ cả phía nhà nước và phía SMEs.

### **5.1. Hoàn thiện chính sách thuế nhằm hỗ trợ tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho SMEs từ phía cơ quan thuế**

#### **5.1.1. Giảm bớt tần suất kê khai thuế cho các SMEs**

Có thể quy định thời hạn nộp tờ khai một số thuế (giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp) giãn ra thêm so với hiện nay như nửa năm hoặc một năm. Đây là cách giảm chi phí tuân thủ thuế khá hiệu quả nhưng lại làm chậm thời gian nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước. Nếu nhà nước có chính sách khuyến khích các SMEs kinh doanh sản xuất, tái đầu tư, nhà nước có thể cho SMEs tạm thời chiếm dụng khoản tiền này. Lợi ích về dòng tiền này có thể hỗ trợ SMEs trong việc bỏ ra chi phí trong việc tuân thủ thuế.

#### **5.1.2. Xây dựng quy định tính thuế căn cứ vào hệ thống kế toán tiền mặt**

SMEs thường xuyên phải đối mặt với rủi ro chiếm dụng vốn, vì vậy SMEs sẽ gặp khó khăn trong việc luân chuyển vốn. Để hạn chế rủi ro SMEs phải nộp thuế trước khi nhận được tiền, có thể xây dựng quy định tính thuế dựa vào hệ thống kế toán tiền mặt. Khi đó SMEs có thể lựa chọn phương thức nộp thuế căn cứ vào kế toán tiền mặt: khi nào SMEs nhận được tiền thanh toán thì mới phải nộp thuế. Quy định này được áp dụng cho việc kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp này, SMEs sẽ chỉ phải nộp thuế giá trị gia tăng khi khách thanh toán, thay vì nộp thuế khi phát sinh giao dịch. Tuy nhiên, quy định này đòi hỏi các giao dịch bắt buộc phải thanh toán qua ngân hàng. Khi đó, mọi thông tin liên quan tới dòng tiền mặt của doanh nghiệp sẽ đều phải qua hệ thống ngân hàng, kết nối với cơ quan quản lý thuế. Có như vậy, cơ quan quản lý thuế mới kiểm soát được thời điểm SMEs nhận được tiền thanh toán.

#### **5.1.3. Hoàn thiện quy trình giải quyết các khiếu nại và hoàn thuế và nâng cao hiệu quả quản lý**

Một trong những yếu tố tạo ra chi phí tuân thủ thuế cao của SMEs là thời gian chờ đợi giải quyết các khiếu nại về thuế và hoàn thuế. Mặc dù đã có những quy định chặt chẽ về thời gian giải quyết các khiếu nại về thuế và hoàn thuế, nhưng trên thực tế,

SMEs vẫn phải chờ đợi rất lâu mới nhận được quyết định giải quyết khiếu nại và hoàn thuế. Để rút ngắn thời gian giải quyết các khiếu nại về thuế và hoàn thuế, cần phải xây dựng, đổi mới quy trình quản lý, quy trình giải quyết khiếu nại và hoàn thuế nâng cao hiệu quả. Bên cạnh đó cũng cần nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ quản lý thuế.

Để nâng cao hiệu quả quản lý thuế, Tổng cục Thuế cần thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý; phát động các phong trào thi đua về tiết kiệm, sáng kiến cải tiến quy trình nghiệp vụ, giảm thời gian giải quyết công việc. Cần phải coi cơ quan quản lý thuế như một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Những cải tiến rút ngắn thời gian quản lý, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp cần được tuyên dương và thưởng xứng đáng.

#### **5.1.4. Phát triển hệ thống đại lý hỗ trợ việc đăng ký, kê khai, nộp thuế**

Việc tiếp cận thông tin về thuế rất hạn chế đối với nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Chính vì vậy cần thiết phải xây dựng hệ thống đại lý thuế cung cấp dịch vụ nhằm hỗ trợ người nộp thuế, giảm chi phí đi lại, thời gian chờ đợi khi đăng ký và nộp thuế. Nhiệm vụ chính của đại lý thuế là cung cấp dịch vụ đăng ký thuế, hỗ trợ nộp thuế, cung cấp thông tin cho người nộp thuế. Mạng lưới đại lý thuế cần được chú ý phát triển ở những khu vực có mật độ doanh nghiệp cao; khu vực hệ thống thông tin điện tử kém phát triển. Ở khu vực có mật độ doanh nghiệp cao thì đại lý thuế sẽ phục vụ được nhiều người nộp thuế, hiệu quả hoạt động cao. Ở khu vực hệ thống thông tin điện tử kém phát triển, doanh nghiệp sẽ phải thực hiện việc đăng ký thuế, nộp thuế theo phương pháp thủ công nên sẽ tốn nhiều thời gian và chi phí, vì vậy họ cần được hỗ trợ để giảm chi phí.

### **5.2. Tăng cường quản trị chi phí tuân thủ thuế tại SMEs**



### 5.2.1. Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán

Thiết lập hệ thống sổ sách kế toán minh bạch rõ ràng, tránh tình trạng che giấu doanh thu và khai tăng chi phí để giảm bớt rủi ro về thuế khi bị cơ quan thuế phát hiện, tránh tình trạng hai hệ thống sổ sách trong cùng một SMEs nhằm tránh những hệ quả. Chủ SMEs phải thay đổi ý thức về nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước, tăng cường tính minh bạch thông tin kế toán, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư và đồng thời cũng giảm bớt chi phí tuân thủ thuế. Ngoài những báo cáo cần thiết để cung cấp cho bên ngoài, SMEs nên xây dựng một hệ thống các báo cáo để cung cấp trong nội bộ SMEs nhằm mục đích nhận biết một cách nhanh chóng tình hình biến động liên quan đến hoạt động kinh doanh và hoạt động liên quan đến tuân thủ thuế như: báo cáo số liệu doanh thu theo từng hóa đơn bán hàng, từng mặt hàng; báo cáo chi phí phát sinh chi tiết theo từng bộ phận, chi tiết theo từng loại chi phí; báo cáo ước tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo tháng, quý, năm...

### 5.2.2. Rà soát và kiểm soát thường xuyên chi phí tuân thủ thuế

SMEs muốn giảm thiểu chi phí tuân thủ thuế phải tăng cường công tác quản trị chi phí tuân thủ thuế, rà soát và kiểm soát chi phí tuân thủ thuế. Công việc này phải thực hiện thường xuyên, liên tục để có hiệu quả tốt nhất. SMEs nên cân nhắc việc sử dụng dịch vụ đại lý thuế hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn kế toán của các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kế toán thuế bên ngoài để đảm nhận các công việc liên quan đến thuế. Việc sử dụng dịch vụ bên ngoài có thể tăng thêm chi phí của SMEs nhưng việc thuê chuyên gia kế toán thuế bên ngoài với đầy đủ hiểu biết về các lĩnh vực kế toán, thuế, tài chính... sẽ giúp SMEs an tâm hơn giảm bớt sự lo lắng, căng thẳng về tâm lý, giảm bớt những sai sót không đáng có, nhờ đó giảm bớt số tiền nộp phạt

vi phạm pháp luật thuế có thể lớn hơn rất nhiều chi phí bỏ ra thuê dịch vụ này.

### 5.2.3. Thường xuyên nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế

Hiện nay, vẫn còn rất nhiều SMEs chưa nhận thức đúng, đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ trong thực hiện chính sách Pháp luật của Nhà nước, trong đó có pháp luật về thuế. Do đó, chưa thật sự quan tâm, ít tham dự các lớp phổ biến, tập huấn chính sách liên quan trực tiếp đến SMEs nên thường xảy ra sai sót, vi phạm. Việc tìm hiểu, nắm bắt những quy định của Nhà nước nói chung, chính sách thuế nói riêng trước hết thuộc về trách nhiệm của SMEs. Từ đó, các SMEs cần chủ động tham gia vào các chương trình hỗ trợ, hướng dẫn của các cơ quan Nhà nước, của các Hiệp hội SMEs của tỉnh nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng quản lý, kiến thức về tài chính, kế toán, thuế...

Nghiên cứu này khảo sát 110 mẫu của 110 SMEs trên địa bàn Thành phố Hải Phòng, vì vậy, tính đại diện của mẫu và ảnh hưởng của kết quả nghiên cứu có thể chưa cao. Kết quả nghiên cứu bước đầu đánh giá thực trạng của 2 nhân tố ảnh hưởng đến chi phí tuân thủ thuế của các SMEs là chi phí bằng tiền và thời gian, trên cơ sở này nghiên cứu mới chỉ đưa ra được 2 nhóm kiến nghị nhằm tăng cường tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế thông qua việc hoàn thiện chính sách pháp luật thuế của nhà nước và tăng cường kiểm soát chi phí tuân thủ thuế từ phía SMEs. Tuy nhiên, để khắc phục các hạn chế này, những nghiên cứu tiếp theo có thể chọn mẫu kích thước lớn hơn. Phạm vi nghiên cứu có thể cụ hơn cho từng loại hình doanh nghiệp, theo từng sắc thuế,... để đưa ra những giải pháp cụ thể hơn.

### Tài liệu tham khảo:

- Baurer, Lewis I. (2005), 'Tax administrations and small and medium enterprises (SMEs) in developing countries', *World Bank*, retrieved on May 15<sup>th</sup> 2017, from <<http://documents.worldbank.org/curated/en/711511468779448847/Tax-administrations-and-small-and-medium-enterprises-SMEs-in-developing-countries>>.
- Boylan, S. & Sprinkle, G. (2001), 'Experimental Evidence on the Relation between Tax Rates and Compliance: The Effect of Earned vs. Endowed Income', *Journal of the American Taxation Association*, 23(1), 75-90.
- Colmar Brunton Social Research (2005), 'Measuring the tax compliance costs of small and medium-sized businesses: a benchmark survey', *Inland Revenue New Zealand*, retrieved on April 4<sup>th</sup> 2017, from <<http://www.msi-anz.net/files/docs/sme-compliance-costs.pdf>>.
- Das-Gupta, Arindam (2003), *The Income Tax Compliance Cost of Corporations in India, 2000-2001*, retrieved on

- March 1<sup>st</sup> 2017, from <<https://ssrn.com/abstract=466041> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.466041>>.
- Kiều Nguyệt Thủy Tiên (2012), ‘Nghiên cứu chi phí tuân thủ thuế thu nhập cá nhân’, luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- KPMG (2006), *Report of the Business New Zealand – KPMG Compliance Cost Survey*, retrieved on July 15<sup>th</sup> 2017, from <[https://www.businessnz.org.nz/\\_data/assets/pdf\\_file/0007/74581/Compliance-Cost-Summary-Report-2006.pdf](https://www.businessnz.org.nz/_data/assets/pdf_file/0007/74581/Compliance-Cost-Summary-Report-2006.pdf)>.
- La Xuân Đào (2009), ‘Thực trạng chi phí tuân thủ thuế của các doanh nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long’, *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 42, 48-53.
- Nguyễn Đình Thọ (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản Lao động Xã hội, Hà Nội.
- Torgler, B. (2007), *Tax compliance and tax morale: a theoretical and empirical analysis*, retrieved on March 1<sup>st</sup> 2017, from <[https://www.researchgate.net/publication/27474421\\_Tax\\_Compliance\\_and\\_Tax\\_Morale\\_A\\_Theoretical\\_and\\_Empirical\\_Analysis](https://www.researchgate.net/publication/27474421_Tax_Compliance_and_Tax_Morale_A_Theoretical_and_Empirical_Analysis)>.
- Sandford, C.T. (1989), *Administrative and Compliance Costs of Taxation*, Fiscal Publications, Bath, United Kingdom.
- Slemrod, J. & Sorum, N. (1984), ‘The Compliance Cost of the US Individual Income Tax System’, *National Tax Journal*, 37, 461-474.
- Wenzel, M. (2003), ‘Tax Compliance and the Psychology of Justice: Mapping the Field’, in Braithwaite, V., (ed.), *Taxing Democracy: Understanding Tax Avoidance and Evasion*, Ashgate, Aldershot, 41-69.
- Wenzel, M. (2004), ‘An analysis of norm processes in tax compliance’, *Journal of Economic Psychology*, 25(2), 213-228.
- World Bank Group (2016), *Paying Taxes 2016: The global picture - A comparison of tax systems in 189 economies worldwide*, retrieved on July 15<sup>th</sup> 2017, from <[http://www.doingbusiness.org/reports/thematic-reports/~/\\_media/WBG/DoingBusiness/Documents/Special-Reports/Paying-Taxes-2016.pdf](http://www.doingbusiness.org/reports/thematic-reports/~/_media/WBG/DoingBusiness/Documents/Special-Reports/Paying-Taxes-2016.pdf)>.